

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÀU BÀNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 29-7-2022

V/v ly hôn và tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÀU BÀNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Độ.

Ông Nguyễn Văn Hoà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Diễm Trang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Thái Hoàng Giang – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 165/2022/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2022 về việc Ly hôn và tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 45/2022/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Võ Thị Bích H, sinh năm 1988; địa chỉ: ấp M, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương, có mặt.

- Bị đơn: Anh Vũ Đình T, sinh năm 1989; hộ khẩu thường trú: xã V, huyện L, tỉnh Thanh Hoá; tạm trú: ấp A, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 30-5-2022, bản tự khai đề ngày 17-6-2022, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Võ Thị Bích H, trình bày:

Chị Võ Thị Bích H chung sống với anh Vũ Đình T từ năm 2018, hôn nhân có tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 41, ngày 06-7-2018. Vợ chồng chung sống không hạnh phúc thường phát sinh mâu thuẫn do không hòa H, bất đồng

quan điểm với nhau trong vấn đề tình cảm, vợ chồng thường xuyên cãi vã, mâu thuẫn càng ngày càng trầm trọng, vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau, vợ chồng có đánh nhau, có bạo lực gia đình, ly thân từ tháng 7/2020.

Nay, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị H yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: chị H yêu cầu trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Vũ Ngọc Th, sinh ngày 13/01/2019, không yêu cầu ông Vũ Đình T cấp dưỡng cho con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: không tranh chấp về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 24 tháng 6 năm 2022, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Vũ Đình T trình bày:

Anh Vũ Đình T thống nhất với lời trình bày của chị Võ Thị Bích H về quan hệ hôn nhân, con chung, mâu thuẫn vợ chồng. Vợ chồng có đánh nhau, có bạo lực gia đình, vợ đánh trước chồng mới đánh lại, vợ chồng ly thân từ tháng 7/2020.

Nay, trước yêu cầu xin ly hôn của chị H thì anh T không đồng ý ly hôn vì con còn nhỏ.

Về con chung: nếu ly hôn, anh T yêu cầu trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Vũ Ngọc Th, sinh ngày 13/01/2019, không yêu cầu cấp dưỡng cho con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: không tranh chấp về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: nguyên đơn vẫn giữ nguyên các yêu cầu khởi kiện khác; bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Đương sự không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ nào khác.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định về thẩm quyền thụ lý đúng quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc xác định tư cách tham gia tố tụng đúng quy định tại Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ đúng quy định tại các Điều 95 đến Điều 98 Bộ luật Tố tụng dân sự. Trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và cho đương sự đúng quy định tại Điều 195, 196 Bộ luật Tố tụng dân sự. Thời hạn chuẩn bị xét xử Thẩm phán thực hiện đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 63, 239, 243, 249, 258, 260 Bộ luật Tố tụng dân sự, Thư ký đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 51, 237 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: chị H và anh T trong quá trình chung sống đã có phát sinh mâu thuẫn, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương nhận định:

[1] Về tố tụng: yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị Bích H về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Bị đơn là anh Vũ Đình T có nơi cư trú xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt là chưa thực hiện đúng quy định về quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật. Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về hôn nhân: Chị Võ Thị Bích H chung sống với anh Vũ Đình T từ năm 2018, hôn nhân có tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 41, ngày 06-7-2018. Sau thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do vấn đề tình cảm, kinh tế, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, có xảy ra bạo lực gia đình (theo biên bản xác minh tình trạng hôn nhân ngày 17-6-2022 của Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng tại Công an xã T, huyện Bàu Bàng và Biên bản hoà giải ngày 24-6-2022). Do đó, có cơ sở xác định: chị H và anh T không còn thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; không còn cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, vợ chồng có hành vi bạo lực gia đình, đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Chị H yêu cầu ly hôn với anh T là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: chị H và anh T có một con chung là cháu Vũ Ngọc Th, sinh ngày 13/01/2019. Khi ly hôn, chị H yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Vũ Ngọc Th, sinh ngày 13/01/2019, không yêu cầu anh T cấp dưỡng cho con. Xét chị H có thu nhập, đủ điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc các con, cháu Th hiện đang do chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh T yêu cầu được nuôi con chung nhưng không đảm bảo các điều kiện chăm sóc con chung. Vì vậy,

Hội đồng xét xử sẽ giao cháu Vũ Ngọc Th, sinh ngày 13/01/2019 cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù H với quy định tại các Điều 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Chị H không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng cho con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về chia tài sản chung, nợ chung: các đương sự không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: nguyên đơn chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự,

[6] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Võ Thị Bích H đối với bị đơn anh Vũ Đình T về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

- Về hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Võ Thị Bích H và anh Vũ Đình T.

- Về con chung: Giao cháu Vũ Ngọc Th, sinh ngày 13/01/2019 cho chị Võ Thị Bích H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị Võ Thị Bích H không yêu cầu anh Vũ Đình T cấp dưỡng cho con.

Người không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường H người không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

Vì quyền lợi H pháp của con, Tòa án có thể thay đổi người nuôi con, giải quyết việc cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.

- Về chia tài sản chung, nợ chung: các đương sự không tranh chấp về tài sản chung, nợ chung nên Tòa án không giải quyết.

2. Về án phí: chị Võ Thị Bích H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí chị Võ Thị Bích H đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0009173 ngày 09-6-2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bàu Bàng.

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bàu Bàng;
- Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Bàu Bàng;
- Các đương sự;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án (nếu có);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Quốc Dũng